

Bản án số: 251/2024/ HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Minh Tâm
- Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 1996; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh K, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 15/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng cha mẹ chồng ở thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; anh K làm nghề thợ mộc, còn chị làm điều dưỡng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không lo làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến gia

đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh **K** không thay đổi. Đến khoảng giữa năm 2021, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng với anh **K** nên chị đã về nhà cha mẹ ruột để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, năm 2022 anh **K** bị bắt quả tang về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân huyện Tuy Phước xét xử, hình phạt 09 năm tù và hiện anh **K** đang chấp hành án tại **Trại giam X** thuộc **Bộ C**. Nay, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **K** đã hết, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh **K**.

Vợ chồng có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Phương U**, sinh ngày 04/8/2020, hiện con đang ở với chị, sức khoẻ cháu bình thường. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tự nguyện chịu án phí.

* Tại bản tự khai ngày 12 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Anh K** trình bày: Anh và chị **Trần Thị Ngọc L** có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng một năm rồi tiến đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** vào ngày 15/7/2019. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng cha mẹ anh ở **thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**; anh làm nghề thợ mộc, còn chị **L** làm điều dưỡng; vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Vào năm 2023, anh bị Toà án nhân dân huyện Tuy Phước xét xử về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại **Trại giam X**. Nay chị **L** yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Phương U**, sinh ngày 04/8/2020, hiện con đang ở với chị **L**, sức khoẻ cháu bình thường. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **L**; giao cháu **Nguyễn Ngọc Phương U**, sinh ngày 04/8/2020 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị **Trần Thị Ngọc L** yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con. Cho nên, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Trần Thị Ngọc L**, bị đơn anh **Nguyễn Anh K** vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị **Trần Thị Ngọc L** và anh **Nguyễn Anh K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **T**, tỉnh **Bình Định** vào ngày 15 tháng 7 năm 2019, nên hôn nhân giữa chị **L** và anh **K** là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ, lời trình bày của chị **L** là quá trình chung sống giữa chị **L** và anh **K** xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **K** không lo làm ăn dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc, anh **K** bị xét xử và phải chấp hành án tại **Trại giam X**; Anh **K** cho rằng mâu thuẫn không đáng kể nhưng anh cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị **L** yêu cầu giải quyết ly hôn, anh **K** đồng ý ly hôn là phù hợp theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **L** và anh **K** được ly hôn.

[4] Chị **Trần Thị Ngọc L** và anh **Nguyễn Anh K** có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Phương U**, sinh ngày 04/8/2020, hiện tại con chung đang ở với chị **L**; sức khỏe của con bình thường. Chị **L** có nguyện vọng nuôi cháu **U**, anh **K** thống nhất giao cháu **K** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **L** phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Trần Thị Ngọc L** và anh **Nguyễn Anh K**.
2. Về nuôi con chung:

Giao cháu **Nguyễn Ngọc Phương U**, sinh ngày 04/8/2020 cho chị **Trần Thị Ngọc L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **Trần Thị Ngọc L** phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001713, ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Tú